

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**



CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Lệ Ninh

Năm báo cáo: 2021

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lệ Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3100114609
- Vốn điều lệ: 82.300.670.000đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 82.300.670.000đ
- Địa chỉ: TDP Liên Cơ – Thị trấn Nông trường Lệ Ninh – Huyện Lệ Thủy - Tỉnh Quảng Bình
- Số điện thoại: 0232.3996.580
- Số fax: 0232.3996.211
- Website: <http://leninh.vn>
- Mã cổ phiếu: LNC

#### Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lệ Ninh tiền thân là Nông trường Quốc doanh Lệ Ninh được thành lập ngày 24/12/1960 trên cơ sở hợp nhất 36 tập đoàn sản xuất Miền Nam với mục đích chủ yếu là trồng, sản xuất cây cao su, hồ tiêu, một số loại cây ngắn ngày và chăn nuôi gia súc.

Ngày 10/4/1998, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 06/1998/QĐ-UBND thành lập Công ty cao su Lệ Ninh trên cơ sở Nông trường Lệ Ninh với chức năng nhiệm vụ chính: Tổ chức sản xuất, kinh doanh cao su, cung cấp giống, kỹ thuật, trồng mới, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, tổ chức thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp theo hướng kinh doanh tổng hợp, khai thác tiềm năng đất đai và lao động do Công ty quản lý theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt. Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 91/2004/QĐ-UBND đổi tên Công ty cao su Lệ Ninh thành Công ty Lệ Ninh để phù hợp với quy mô sản xuất và đa dạng hóa ngành nghề.

Ngày 29/6/2010, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 1471a/QĐ-UBND, về việc chuyển Công ty Lệ Ninh thành Công ty TNHH một thành viên Lệ Ninh - Quảng



Bình do UBND tỉnh làm chủ sở hữu 100% vốn Nhà nước. Kể từ ngày 01/7/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 28/12/2015 UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quyết định số 3788/QĐ – UBND, về việc thực hiện cổ phần hoá công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước;

Ngày 21/4/2017 UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quyết định số 1329/QĐ – UBND, về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình thành Công ty cổ phần.

Ngày 21/9/2017, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua Điều lệ Công ty, Phương án phát triển 5 năm sau cổ phần hóa,....;

Ngày 01/10/2017, Công ty chính thức hoạt động với tên mới: Công ty cổ phần Lệ Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3100114609 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề sản xuất chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mù cao su; Cưa xẻ gỗ cao su; Cưa xẻ và chế biến gỗ cao su, gỗ thông và gỗ rừng trồng; Trồng cây dược liệu; Chế biến tinh dầu sả

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm của Công ty chỉ mới tiêu thụ tại thị trường trong nước. Công ty chưa thực hiện xuất khẩu ra thị trường các nước khác

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị:

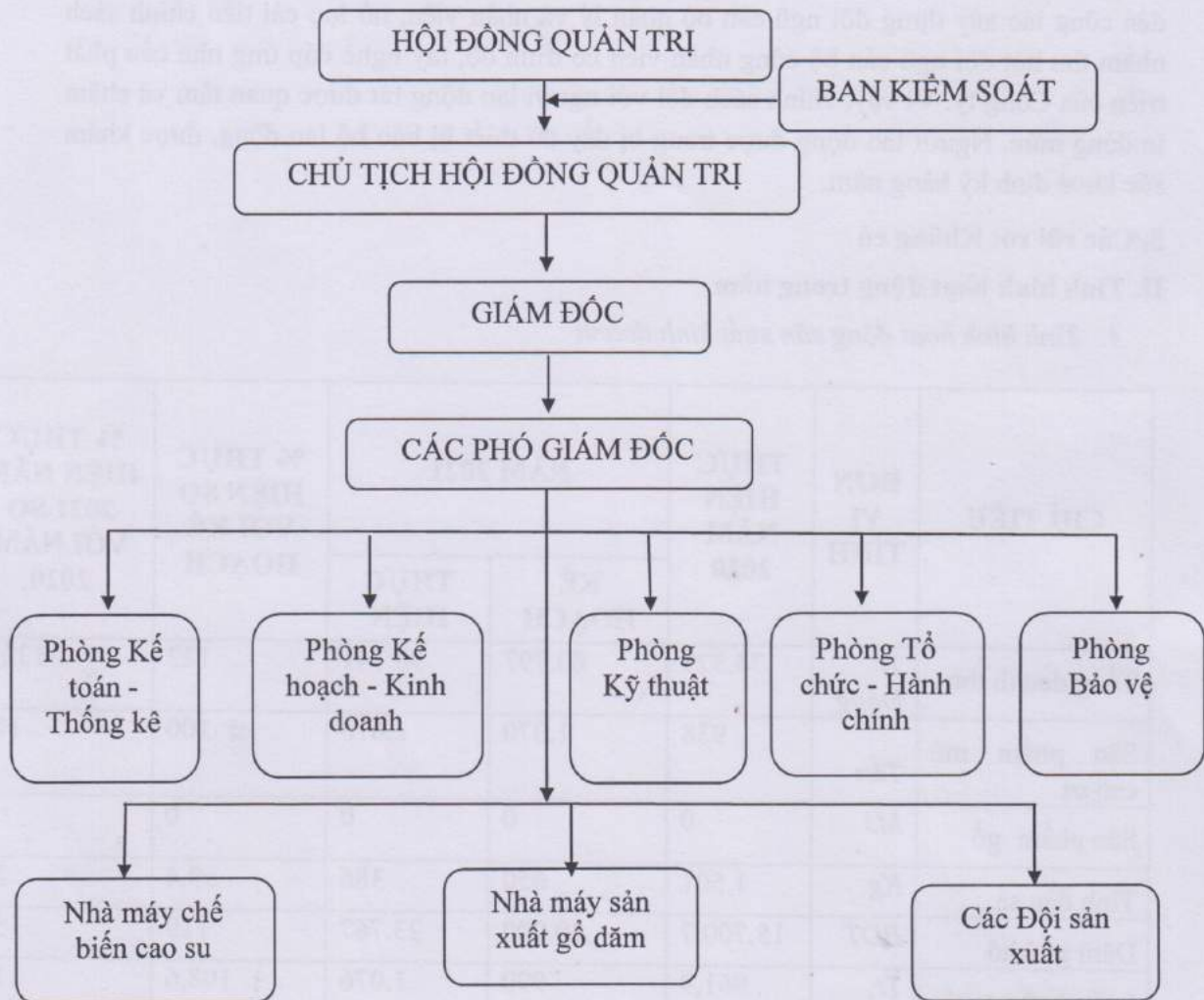
- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch.

- Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Định hướng phát triển:**

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, thu lợi nhuận; tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ



có chất lượng, thường xuyên và ổn định

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Với phương châm còn người là tài sản lớn nhất, ban điều hành Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, nỗ lực cải tiến chính sách nhằm thu hút đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, tay nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Vì vậy, chính sách đối với người lao động rất được quan tâm và chăm lo đúng mức. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

## 5. Các rủi ro: Không có

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2020	NĂM 2021		% THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	% THỰC HIỆN NĂM 2021 SO VỚI NĂM 2020
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		
Tổng doanh thu	Tr. Đồng	74.329	80.797	98.741	122	132,8
Sản phẩm mù cao su	Tấn	938	1.070	1.070	100	114
Sản phẩm gỗ	M3	0	0	0	0	
Tinh dầu sả	Kg	1.501	650	386	59,4	25
Dăm gỗ khô	BDT	15.700,7	20.000	23.767	119	151
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	961,9	990	1.076	108,6	112
Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	800,9	792	840	106	105

#### a. Về kinh doanh

- Trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 làm cho giá cả mặt hàng cao su, tinh dầu sả và dăm gỗ giảm mạnh làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Việc tiêu thụ các sản phẩm của công ty rất khó khăn, có nhiều tháng do ảnh hưởng của dịch bệnh hàng hóa không thể xuất bán. Giá bán tinh dầu sả giảm mạnh chỉ bằng 50% giá thành sản phẩm nên công ty không thể xuất bán. Tuy nhiên với truyền thống đoàn kết gắn bó của Công ty, cán bộ công nhân viên đã phấn đấu đạt được những chỉ tiêu

chính như sau:

+ Tổng doanh thu 98.741 triệu đồng đạt 122% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận trước thuế 1.076 triệu đồng đạt 106% so với kế hoạch

Mặc dù gặp không ít khó khăn về giá, hàng hoá của Công ty chủ yếu tiêu thụ trong nước nhưng với sự lãnh chi đạo sâu sát của các đồng chí trong hội đồng quản trị. Trong năm 2021 tổng doanh thu của công ty đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Về sản xuất:

- Năm 2021 do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt mùa hè nắng nóng kéo dài đến tháng 9 mùa đông mưa lũ triền miên nhưng với sự nỗ lực hết mình của cán bộ công nhân viên luôn lách trời tiết để khai thác. Đồng thời trong năm công ty mở rộng thị trường thu mua và chế biến mù cao su vùng lân cận được 182 tấn mù khô góp phần làm tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên và lợi nhuận cho công ty. Năm 2021 nhà máy sản xuất gỗ dăm của công ty đã hoạt động ổn định. Sản phẩm dăm được bán cho khách hàng Nhật bản đây là mặt hàng tiềm năng tạo ra doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty. Trong năm sản lượng tinh dầu sả không thể xuất bán được do giá quá thấp. Năm 2021 công ty đã trồng mới được 43,84ha cây keo

## 2. Tổ chức và nhân sự

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Mậu Hào	10/9/1970	TDP 2 – TT Lệ Ninh – Lệ Thủy - Quảng Bình	Chủ tịch HĐQT	19.600	0,24%
2	Lê Thanh Hùng	6/8/1983	Xuân Thủy – Lệ Thủy – Quảng Bình	Giám đốc	7.900	0,1%
3	Hoàng Thị Phương	04/6/1966	TDP Liên Cơ – TT Lệ Ninh – Lệ Thủy - Quảng Bình	Kế toán trưởng	11.800	0,14%

01  
01  
CỔ  
LỆ  
THỦ



4	Trần Công Văn	2/10/1967	Sơn Thủy – Lê Thủy – Quảng Bình	Phó Giám đốc	10.700	0,13%
---	---------------	-----------	---------------------------------	--------------	--------	-------

- Những thay đổi trong ban điều hành năm 2021

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 422 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Chăm sóc 763 ha cao su đang trong thời kỳ kiến thiết cơ bản

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	240.894.730.294	253.582.365.288	5,3
Doanh thu thuần	73.050.205.661	97.097.357.807	33
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	219.255.101	-511.286.671	
Lợi nhuận khác	742.734.863	1.587.601.249	113
Lợi nhuận trước thuế	961.989.964	1.076.314.578	12
Lợi nhuận sau thuế	800.927.476	840.744.423	5

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	: Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,2 lần	0,13 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,11 lần	0,06 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	65,03%	66,78%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	185,9%	201,07%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18 vòng	18 vòng	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,3 vòng	0,38 vòng	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,09%	0,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,97%	1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,33%	0,33%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,3%	-0,5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.230.067 cổ phần, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Loại cổ phần đang lưu hành: Tất cả các cổ phần đang lưu hành là cổ phần phổ thông. Trong tổng số 8.230.067 cổ phần có 8.118.767 cổ phần tự do chuyển nhượng còn 50.000 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng quy định tại điều lệ của công ty.



b) Cơ cấu cổ đông( tính đến ngày 31/12/2021)

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu( cổ đông lớn; cổ đông nhỏ):

LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
- Cổ đông lớn( Tỷ lệ sở hữu $\geq$ 5%)	1	7.468.367	90,74
- Cổ đông nhỏ	546	761.700	9,26
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>547</b>	<b>8.230.067</b>	<b>100</b>

Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
- Cổ đông tổ chức – trong nước	2	7.478.367	90,87
- Cổ đông tổ chức – nước ngoài	0	0	0
- Cổ đông cá nhân – trong nước	545	751.700	9,13
- Cổ đông cá nhân – nước ngoài	0	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>547</b>	<b>8.230.067</b>	<b>100</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm công ty không phát hành cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không phát hành

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

+ Khối lượng các nguyên liệu dùng để đầu tư sản xuất cho sản phẩm mủ cao su là: 3.190 tấn

+ Khối lượng cây giống cao su dùng để trồng dặm trong năm là: 0 cây

+ Khối lượng cây giống keo lai dùng để trồng rừng trong năm là : 92.010 cây

+ Khối lượng phân bón dùng để đầu tư bón cho cây cao su trong năm là: 698 tấn

+ Nguyên liệu để chế biến tinh dầu sả là: 94,5 tấn

+ Nguyên liệu dùng để sản xuất dăm gỗ: 51.099 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

##### a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tiêu thụ điện: Tiêu thụ điện toàn công ty trong năm 2021 là 416.305KW tương đương 907 triệu đồng

- Dầu Diezen: 49.990 lít tương đương 741 triệu đồng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

#### 6.3. Tiêu thụ nước:

##### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2021 là: 20.000m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

##### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số người lao động: 422 lao động

- Mức lương bình quân năm 2021: 4.040.000đồng/người/tháng

##### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên toàn công ty

- Chính sách khen thưởng bình bầu lao động xuất sắc hàng tháng cho công nhân: 50.000đ/tháng

- Thường xuyên duy trì chế độ thăm hỏi ốm đau hiếu hỷ cho người lao động trong năm 2021 với số tiền 100 triệu đồng

##### c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Hàng năm Công ty mở các lớp đào tạo tay nghề cho cán bộ công nhân viên: 02 lớp/năm.

Số lượng học viên mỗi lớp 25 lao động, Do trợ giáo nội bộ công ty trực tiếp giảng dạy

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đóng góp công tác xã hội năm 2021: 30 triệu đồng

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều áp lực của nền kinh tế thị trường trong nước và quốc tế. Dịch bệnh covid19 cũng như thiên tai hạn hán đã làm cho giá cả mặt hàng cao su, gỗ dăm giảm mạnh. Thời tiết khô hạn kéo dài lũ lụt triền miên, mặt khác hậu quả của cơn bão số 10 năm 2017 vẫn còn để lại rất nặng nề. Ban giám đốc đã có những biện pháp chi đạo sát sao về quy trình kỹ thuật khai thác luân lách thời tiết, đồng thời mở rộng thị trường thu mua mù vùng lân cận để chế biến mù khô đã làm cho sản lượng mù khai thác được trong năm đạt 100% so với kế hoạch. Trong năm 2021 mặt hàng dăm gỗ với lợi thế về nguồn nguyên liệu nhưng do trong năm ảnh hưởng của dịch bệnh covid19 làm cho việc xuất bán sản phẩm rất khó khăn hàng hóa ứ đọng lâu ngày. Sản phẩm tinh dầu sả giá bán giảm thấp chỉ bằng 50% giá thành sản phẩm nên trong năm công ty đã để tồn kho 2.871kg.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 240,9 tỷ đồng, cuối kỳ là 253,6 tỷ đồng tăng 5,3%. Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản năm 2021 là 38%

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả của công ty đến 31/12/2020 là 169,35 tỷ đồng nợ chủ yếu vay để đầu tư trồng mới và chăm sóc 720 ha cao su kiến thiết cơ bản. Vay dài hạn tại Ngân hàng phát triển Chi nhánh Quảng Bình để chăm sóc 450ha cao su từ năm 2013 - 2015 đã đến hạn trả tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh covid19 giá bán mặt hàng cao su giảm mạnh. Diện tích đưa vào khai thác chỉ mới 127 ha. Vườn cây mới đưa vào khai thác bó cộng với thời tiết khắc nghiệt vì vậy sản lượng ít. Doanh thu của vườn cây khai thác bó năm không đủ bù đắp chi phí do đó Công ty chưa có nguồn tài chính để trả nợ cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển Quảng Bình nên đã xuất hiện nợ quá hạn là 6,7 tỷ. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn 0,13 lần.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### a. Dự báo tình hình

- Thuận lợi: Các sản phẩm của công ty đã tạo được uy tín trên thị trường trong nước. Thị trường dăm gỗ được tiêu thụ cho đối tác Nhật bản rất có uy tín.

- Khó khăn: Dự báo thời tiết khô hạn vẫn còn kéo dài trong năm 2022; Hậu quả cơn bão số 10 năm 2017 vẫn chưa thể khôi phục hoàn toàn. Cây cao su bị bệnh phấn trắng có thể bị rụng lá 1-2 lần trong năm. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 trên toàn cầu đã làm cho tình hình tiêu thụ sản phẩm của công ty gặp khó khăn. Cuộc chiến giữa Nga và Ukraine sẽ làm cho nền kinh tế thế giới có nhiều biến động. Nguồn thu của Công ty dự kiến sẽ giảm dẫn đến tình hình tài chính của công ty khó khăn tạm thời.

### b. Định hướng phát triển



Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người; chuyển đổi ngành nghề; ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh.

- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được các phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Chuyển đổi cây trồng phù hợp với điều kiện thiên nhiên đất đai thổ nhưỡng như cây keo.

- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

#### 4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

##### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội cụ thể:

- Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường
- Xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp tại cơ quan.
- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, vận động CBCNV tham gia bảo vệ môi trường



cùng doanh nghiệp

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Với phương châm “con người là tài sản lớn nhất của Công ty” nên ban lãnh đạo luôn coi trọng công tác chăm lo về vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo cho họ sự yên tâm để gắn bó lâu dài với Công ty. Hai đoàn thể là Công đoàn và Đoàn thanh niên luôn được tạo điều kiện thuận lợi và ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Công ty tổ chức đối thoại định kỳ giữa người lao động và người sử dụng lao động mỗi quý/lần. Thoả ước lao động tập thể được ký kết tại Hội nghị người lao động được tổ chức hàng năm.

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm thông qua các hoạt động cụ thể: Khám sức khoẻ định kỳ, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho cán bộ công nhân viên

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Hàng năm Công ty vận động người lao động cùng với doanh nghiệp đóng góp các quỹ từ thiện xã hội

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- Công ty đảm bảo sản xuất tăng trưởng bền vững mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn tác động, bảo toàn và phát triển vốn. Lợi nhuận đạt và vượt mức kế hoạch, tăng thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt các quy định về chế độ kế toán tài chính của Nhà nước

- Trong năm Ban điều hành đã đảm bảo đủ việc làm cho người lao động. Thực hiện tiết kiệm tương đối hiệu quả, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động đúng với chế độ chính sách của nhà nước, quy định của công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Cùng với hội đồng quản trị Ban giám đốc đã có những chỉ đạo kịp thời trong việc tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các biện pháp ứng phó với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

- Ban giám đốc chỉ đạo và giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình kỹ thuật, nội quy quy chế của công ty và quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Chấp hành đầy đủ nghiêm túc các quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước về

chế độ báo cáo tài chính, hợp đồng giao dịch thương mại, hợp đồng lao động cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện quy trình quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tăng chất lượng sản phẩm cũng như năng suất lao động.
- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng, nhà xưởng. Đổi mới công nghệ, dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất và sản lượng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường đặc biệt là để hoàn thiện hệ thống chi tiêu mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**V. Báo cáo tài chính**

*(Xem Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán đính kèm)*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



*Nguyễn Mậu Hòa*





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

---

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Mậu Hào	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Công Văn	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Thành	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Ông Lê Tùng Định	Thành viên

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Mậu Hào - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Mậu Hào  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022



Số: 032301/2022/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lệ Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày lập Báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã thực hiện thanh lý Tài sản cố định là 175,29 hecta vườn cao su và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ số tiền là 1.162.812.392 đồng. Đây là Tài sản cố định được nhà nước bàn giao và không được tính vào giá trị doanh nghiệp tại ngày chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang cổ phần hóa. Công ty đã thực hiện ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm 2021 với số tiền là 1.162.812.392 đồng. Việc ghi giảm chi phí như trên làm cho chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh tăng lên số tiền tương ứng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày lập Báo cáo tài chính năm 2021, Công ty chưa thực hiện ghi tăng Tài sản cố định là hai dự án đường vào vườn cao su đã được hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2019 với số tiền là 2.825.981.817 đồng. Nếu được ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình và chỉ tiêu Hao mòn Tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán tăng lên với số tiền lần lượt là 2.825.981.817 đồng và 423.897.273 đồng. Đồng thời chỉ tiêu Chi phí Xây dựng cơ bản giảm đi số tiền là 2.402.084.544.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.762.880.057 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC) với báo cáo kiểm toán đề ngày 18 tháng 03 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Trần Thiện Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)**  
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2022

**Hoàng Văn Phúc**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3362-2020-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.636.497.321</b>	<b>7.919.471.224</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.183.061.292</b>	<b>222.514.528</b>
1. Tiền	111		3.183.061.292	222.514.528
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.438.566.185</b>	<b>4.216.502.886</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	666.069.150	3.204.016.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.921.400	122.285.872
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	130.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	630.575.635	890.200.645
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>6.014.869.844</b>	<b>3.466.422.053</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.923.060.636	3.466.422.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(908.190.792)	-
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>14.031.757</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	-	14.031.757
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>242.945.867.967</b>	<b>232.975.259.070</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>571.847.400</b>	<b>518.132.200</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	571.847.400	518.132.200
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.412.803.934</b>	<b>60.003.963.761</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	92.959.934.107	59.530.508.942
- Nguyên giá	222		168.815.162.669	132.379.825.590
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.855.228.562)	(72.849.316.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	452.869.827	473.454.819
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(530.611.944)	(510.026.952)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>148.608.734.272</b>	<b>171.879.568.130</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	148.608.734.272	171.879.568.130
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>352.482.361</b>	<b>573.594.979</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	352.482.361	573.594.979
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>253.582.365.288</b>	<b>240.894.730.294</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.356.241.651</b>	<b>156.658.758.407</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>80.399.377.378</b>	<b>53.844.601.407</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	17.617.803.681	15.728.706.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	270.460.607	50.001.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	1.087.176.345	808.398.753
4. Phải trả người lao động	314		5.235.419.200	4.705.312.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.318.357.493	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	1.600.494.272	3.186.845.556
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	49.016.674.712	28.987.876.341
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.252.991.068	377.460.113
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>88.956.864.273</b>	<b>102.814.157.000</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	462.727.273	400.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	33.100.000	13.100.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	88.461.037.000	102.401.057.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>84.226.123.637</b>	<b>84.235.971.887</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>83.380.296.162</b>	<b>83.267.604.084</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.670.000	82.300.670.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.670.000	82.300.670.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		238.881.739	166.006.608
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		840.744.423	800.927.476
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		840.744.423	800.927.476
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>845.827.475</b>	<b>968.367.803</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		845.827.475	968.367.803
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>253.582.365.288</b>	<b>240.894.730.294</b>



Nguyễn Thị Liên  
 Người lập  
 Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022



Lê Doãn Hiếu  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Mậu Hào  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.097.357.807	73.050.205.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	97.097.357.807	73.050.205.661
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.894.369.059	62.497.289.863
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.202.988.748	10.552.915.798
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	56.036.870	54.468.717
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.035.314.525	2.353.764.777
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.035.314.525	2.353.764.777
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.683.751.800	4.137.836.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.051.245.964	3.896.528.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(511.286.671)	219.255.101
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.587.601.249	1.224.810.214
12. Chi phí khác	32		-	482.075.351
13. Lợi nhuận khác	40		1.587.601.249	742.734.863
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.076.314.578	961.989.964
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	235.570.155	161.062.488
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		840.744.423	800.927.476
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	46	44
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	46	44


Nguyễn Thị Liên  
Người lập


Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022


Lê Doãn Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Mậu Hào  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	107.670.175.628	72.155.872.214
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.373.415.638)	(43.576.565.689)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.134.477.430)	(18.643.264.372)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.774.773.942)	(2.353.764.777)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(341.531.602)	(306.527.887)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.537.800.925	6.904.169.671
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.841.735.470)	(14.798.984.404)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>11.742.042.471</b>	<b>(619.065.244)</b>
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.261.695.733)	(8.960.081.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.068.440.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(277.215.200)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	93.500.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.036.870	54.468.717
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(14.320.934.063)</b>	<b>(8.905.612.818)</b>
1. Tiền thu từ đi vay	33	42.978.832.500	55.102.779.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.890.054.129)	(46.821.186.401)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(549.340.015)	(586.762.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.539.438.356</b>	<b>7.694.830.549</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>2.960.546.764</b>	<b>(1.829.847.513)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	222.514.528	2.052.362.041
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<b>3.183.061.292</b>	<b>222.514.528</b>

  
Nguyễn Thị Liên  
Người lập

Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022

  
Lê Doãn Hiếu  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mậu Hào  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Lệ Ninh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3778/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 số 3100114609 ngày 01/10/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/04/2020.

**2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm.

Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su, chế biến và tiêu thụ gỗ dăm.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến Dăm gỗ.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc Tế (AC).

**6. Nhân viên**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 422 người (số nhân viên tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 457 người)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2021, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 69.762.880.057 đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ cấu lại các khoản vay ngân hàng thương mại, gia hạn thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã và đang làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam để gia hạn, cơ cấu lại lịch trả nợ các khoản vay. Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình sẽ cơ cấu lại lịch trả nợ cho Công ty trong năm 2022.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01, và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Vườn cây lâu năm	04 - 20
Tài sản cố định hữu hình khác	05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	89.414.510	68.955.650
Tiền gửi ngân hàng	3.093.646.782	153.558.878
<b>Cộng</b>	<b>3.183.061.292</b>	<b>222.514.528</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh nghiệp Cao su Thanh Long	213.750.000	313.750.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	171.194.764	171.194.764
Công ty TNHH và Chế biến Lâm sản Thăng Hà	118.751.500	-
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	2.616.809.120
Các đối tượng khác	162.372.886	102.262.485
<b>Cộng</b>	<b>666.069.150</b>	<b>3.204.016.369</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trần Văn Định	11.921.400	80.002.000
Công ty TNHH cơ khí thương mại An Phúc	-	14.743.872
Các đối tượng khác	-	27.540.000
<b>Cộng</b>	<b>11.921.400</b>	<b>122.285.872</b>

**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	91.038.678	231.771.278
Ký quỹ, ký cược	6.060.010	6.060.010
Phải thu khác	533.476.947	652.369.357
<b>Cộng</b>	<b>630.575.635</b>	<b>890.200.645</b>

**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Trần Công Văn	130.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>130.000.000</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Hoàng Thị Liên	137.911.100	141.824.700
Lê Văn Quang	137.949.400	145.835.800
Hoàng Minh Đức	132.399.500	143.610.300
Đối tượng khác	163.587.400	86.861.400
<b>Cộng</b>	<b>571.847.400</b>	<b>518.132.200</b>

(\*) Các khoản cho vay cá nhân lãi suất cho vay từ 8,55% đến 9,5%. Lãi suất sau đó sẽ được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng từng thời điểm. Mục đích cho vay để làm công trình nhà ở của cá nhân, tài sản thế chấp là công trình nhà ở sau khi hoàn thiện xong. Các cá nhân sẽ bàn giao toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.254.639.054	-	353.012.296	-
Công cụ, dụng cụ	495.467.473	-	294.905.313	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.101.478.659	-	75.837.852	-
Thành phẩm	3.071.475.450	908.190.792	2.742.666.592	-
<b>Cộng</b>	<b>6.923.060.636</b>	<b>908.190.792</b>	<b>3.466.422.053</b>	<b>-</b>

**7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.031.757	-	14.031.757
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>14.031.757</b>	<b>-</b>	<b>14.031.757</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	848.659.004	6.752.117.841	6.601.366.386	697.907.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.908.871	235.570.155	116.062.488	109.401.204
Thuế thu nhập cá nhân	8.518.470	19.062.530	10.544.060	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	587.214.453	587.214.453	-
Thuế tài nguyên	1.090.000	76.667.261	76.667.261	1.090.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	41.077.120	41.077.120	-
<b>Cộng</b>	<b>1.087.176.345</b>	<b>7.711.709.360</b>	<b>7.432.931.768</b>	<b>808.398.753</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Vườn cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
Số dư đầu năm	49.933.622.564	16.627.369.300	5.312.332.689	867.154.545	59.503.395.692	135.950.800	132.379.825.590
Mua trong năm	486.147.823	156.393.454	-	-	-	-	642.541.277
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	40.470.585.440	-	40.470.585.440,0
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(500.000.000)	-	(4.177.789.638)	-	(4.677.789.638)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.419.770.387</b>	<b>16.783.762.754</b>	<b>4.812.332.689</b>	<b>867.154.545</b>	<b>95.796.191.494</b>	<b>135.950.800</b>	<b>168.815.162.669</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
Số dư đầu năm	29.870.038.237	7.120.778.543	3.347.724.720	524.536.332	31.850.288.016	135.950.800	72.849.316.648
Khấu hao trong năm	1.734.457.736	1.115.026.163	340.495.348	54.547.272	3.878.092.674	-	7.122.619.193
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(500.000.000)	-	(3.616.707.279)	-	(4.116.707.279)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>31.604.495.973</b>	<b>8.235.804.706</b>	<b>3.188.220.068</b>	<b>579.083.604</b>	<b>32.111.673.411</b>	<b>135.950.800</b>	<b>75.855.228.562</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Số dư đầu năm	20.063.584.327	9.506.590.757	1.964.607.969	342.618.213	27.653.107.676	-	59.530.508.942
Số dư cuối năm	18.815.274.414	8.547.958.048	1.624.112.621	288.070.941	63.684.518.083	-	92.959.934.107

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 11.672.986.050 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 12.803.825.514 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 13.898.701.391 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 16.544.851.445 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
Số dư cuối năm	689.597.236	167.520.900	126.363.635	983.481.771
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	216.142.417	167.520.900	126.363.635	510.026.952
Khấu hao trong năm	20.584.992	-	-	20.584.992
Số dư cuối năm	236.727.409	167.520.900	126.363.635	530.611.944
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	473.454.819	-	-	473.454.819
Số dư cuối năm	452.869.827	-	-	452.869.827

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31-tháng 12 năm 2021 là 293.884.535 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 293.884.535 đồng).

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Quảng Bình	6.722.219.260	6.722.219.260	6.722.219.260	6.722.219.260
Chi nhánh Quảng Bình-Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Giar	2.840.405.000	2.840.405.000	1.828.905.000	1.828.905.000
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh Vàng Ngọc Phương	1.054.372.891	1.054.372.891	1.150.902.391	1.150.902.391
Trần Thanh Nam	2.335.545.000	2.335.545.000	-	-
Các đối tượng khác	4.665.261.530	4.665.261.530	6.026.680.193	6.026.680.193
<b>Cộng</b>	<b>17.617.803.681</b>	<b>17.617.803.681</b>	<b>15.728.706.844</b>	<b>15.728.706.844</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vườn cây cao su (*)	145.742.378.012	168.467.822.740
Xây dựng lò hơi tại nhà máy chế biến cao su	40.374.443	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.825.981.817	3.411.745.390
<b>Cộng</b>	<b>148.608.734.272</b>	<b>171.879.568.130</b>

(\*) Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản đang trong quá trình chăm sóc, chưa đủ điều kiện khai thác.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	150.609.320	212.968.434
Chi phí trả trước khác	201.873.041	360.626.545
<b>Cộng</b>	<b>352.482.361</b>	<b>573.594.979</b>

**13. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH xây dựng và DVTM Tài Lộc Phát	166.959.792	-
Trần Văn Tiến	73.400.000	-
Công ty TNHH TMDV chế biến gỗ Nhật Quang	29.978.000	29.978.000
Đối tượng khác	122.815	20.023.500
<b>Cộng</b>	<b>270.460.607</b>	<b>50.001.500</b>

**14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê mái nhà xưởng	272.727.273	400.000.000
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đất	190.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>462.727.273</b>	<b>400.000.000</b>

**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.174.368.156	-
Công ty Cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	2.089.002.373	-
Công ty TNHH Gốm sứ Đức Huân	44.186.964	-
Các khoản khác	10.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.318.357.493</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	528.310.854	335.917.270
Phải trả Công ty mua bán nợ về thanh lý TSCĐ khi cổ phần hóa	341.742.926	1.501.498.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	48.000.000
Các khoản phải trả khác	660.440.492	1.301.429.294
<b>Cộng</b>	<b>1.600.494.272</b>	<b>3.186.845.556</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	33.100.000	13.100.000
<b>Cộng</b>	<b>33.100.000</b>	<b>13.100.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh  
Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>23.626.674.712</b>	<b>23.626.674.712</b>	<b>38.028.832.500</b>	<b>36.690.034.129</b>	<b>22.287.876.341</b>	<b>22.287.876.341</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	17.982.929.512	17.982.929.512	28.260.000.000	26.266.677.529	15.989.607.041	15.989.607.041
Vay cá nhân (ii)	5.643.745.200	5.643.745.200	9.768.832.500	10.423.356.600	6.298.269.300	6.298.269.300
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.18)	25.390.000.000	25.390.000.000			6.700.000.000	6.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.016.674.712</b>	<b>49.016.674.712</b>			<b>28.987.876.341</b>	<b>28.987.876.341</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3800-LAV-202100245 ngày 16/3/2021. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 15 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức đến hết ngày 15/3/2022, thời hạn mỗi khoản vay tối đa là 10 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất vay theo Giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay, điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng thế chấp số 159/2019/HĐTC ngày 25/6/2019.

(ii) Các khoản vay cá nhân, tổ chức với thời hạn dưới 1 năm, lãi suất theo thỏa thuận trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng tại thời điểm vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh  
Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>113.851.037.000</b>	<b>113.851.037.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>200.020.000</b>	<b>109.101.057.000</b>	<b>109.101.057.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	36.949.805.000	36.949.805.000	3.000.000.000	-	33.949.805.000	33.949.805.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	76.050.000.000	76.050.000.000	1.950.000.000	100.000.000	74.200.000.000	74.200.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Bình (iii)	391.645.000	391.645.000	-	100.020.000	491.665.000	491.665.000
Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình (iv)	459.587.000	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
<b>Cộng</b>	<b>113.851.037.000</b>	<b>113.851.037.000</b>	<b>4.950.000.000</b>	<b>200.020.000</b>	<b>109.101.057.000</b>	<b>109.101.057.000</b>
<b>Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>25.390.000.000</b>	<b>25.390.000.000</b>			<b>6.700.000.000</b>	<b>6.700.000.000</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	2.370.000.000	2.370.000.000			-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	23.020.000.000	23.020.000.000			6.700.000.000	6.700.000.000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>88.461.037.000</b>	<b>88.461.037.000</b>			<b>102.401.057.000</b>	<b>102.401.057.000</b>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo các hợp đồng sau:

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 3800-LAV-202000958 ngày 16/11/2020. Tổng tiền vay là 15 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2020-2021 và các khoản chi phí khác của Công ty. Lãi suất vay 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân tiền vay, sau 12 tháng áp dụng theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả theo kỳ hạn 6 tháng, bắt đầu từ ngày 16/11/2024 theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018, hợp đồng thế chấp số 159/2019/HĐTC ngày 25/6/2019.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 99/2016/HĐTĐ ngày 1/9/2016 và các hợp đồng sửa đổi số 99A/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017, số 222-1/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018. Tổng tiền vay là 22 tỷ đồng, thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày 1/9/2016. Tiền vay được sử dụng để thanh toán các chi phí chăm sóc vườn cây cao su KTCB năm 2016-2022 của Công ty. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Nợ gốc trả 6 tháng một lần theo lịch trả nợ đính kèm hợp đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản theo hợp đồng thế chấp số 99A/2016/HĐTC ngày 29/8/2016, hợp đồng sửa đổi số 99C/2017/HĐSDBS ngày 23/10/2017 và số 222-2/2018/HĐSDBS ngày 21/11/2018, hợp đồng thế chấp số 222/2018/HĐTC ngày 24/10/2018."

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22/8/2014 và hợp đồng sửa đổi số 09/2016/HĐTĐĐT-NHPT ngày 21/9/2016. Tổng tiền vay là 81,6 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 7 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng. Tiền vay được sử dụng để trồng mới và chăm sóc 450 ha cao su của Công ty. Lãi suất vay theo Giấy nhận nợ từng thời điểm giải ngân tiền vay. Nợ gốc trả theo tháng, mỗi tháng 1,36 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư quy định cụ thể theo hợp đồng bảo đảm tiền vay số 03/2014/HĐTCTSGLVĐ-NHPT ngày 22/8/2014 và 04/2014/HĐTCTS-NHPT ngày 22/8/2014.
- (iii) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 37051/20MN/HĐTĐ ngày 5/11/2020. Tổng tiền vay là 500 triệu đồng, thời hạn vay là 60 tháng. Tiền vay được sử dụng để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 6 tháng đầu tiên là 9,9%/năm, điều chỉnh 3 tháng một lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 73B-01195.
- (iv) Khoản vay của Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình, được đối chiếu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2015. Khoản vay không phát sinh, không tính lãi vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	25.390.000.000	6.700.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ mười	88.461.037.000	102.401.057.000
<b>Cộng</b>	<b>113.851.037.000</b>	<b>109.101.057.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	25.390.000.000	6.700.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>88.461.037.000</b>	<b>102.401.057.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>108.000.000</b>	<b>1.026.058.953</b>	<b>83.434.728.953</b>
Lãi trong năm	-	-	800.927.476	800.927.476
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.026.058.953)	(1.026.058.953)
Trích lập các quỹ	-	58.006.608	-	58.006.608
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>166.006.608</b>	<b>800.927.476</b>	<b>83.267.604.084</b>
Lãi trong năm	-	-	840.744.423	840.744.423
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	72.875.131	(72.875.131)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	(288.052.345)	(288.052.345)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(440.000.000)	(440.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>238.881.739</b>	<b>840.744.423</b>	<b>83.380.296.162</b>

(\*) Công ty trích lập quỹ đầu tư phát triển, chia cổ tức theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 421/2021/BB-DHDCD ngày 02/06/2021 về việc phân phối lợi nhuận năm 2020.

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.230.067	8.230.067
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.230.067	8.230.067
- Cổ phiếu phổ thông	8.230.067	8.230.067

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng Bình**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****c. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn nhà nước	74.683.670.000	74.683.670.000
Công đoàn Công ty	100.000.000	473.000.000
Cán bộ Công nhân viên	7.507.000.000	7.134.000.000
Cổ đông khác	10.000.000	10.000.000
<b>Tổng</b>	<b>82.300.670.000</b>	<b>82.300.670.000</b>

**20. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su, chế biến và tiêu thụ gỗ dăm, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	97.063.116.807	72.925.288.253
Doanh thu hoạt động khác	34.241.000	124.917.408
<b>Cộng</b>	<b>97.097.357.807</b>	<b>73.050.205.661</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	83.895.749.872	62.434.479.167
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	908.190.792	-
Giá vốn hoạt động khác	90.428.395	62.810.696
<b>Cộng</b>	<b>84.894.369.059</b>	<b>62.497.289.863</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.036.870	54.468.717
<b>Cộng</b>	<b>56.036.870</b>	<b>54.468.717</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.035.314.525	2.353.764.777
<b>Cộng</b>	<b>2.035.314.525</b>	<b>2.353.764.777</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.683.751.800	4.137.836.400
<b>Cộng</b>	<b>5.683.751.800</b>	<b>4.137.836.400</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản trích theo lương	2.864.555.190	1.594.898.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.888.301	664.233.017
Chi phí công cụ dụng cụ	124.396.798	225.322.952
Thuế, phí và lệ phí	31.006.026	57.196.661
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.757.000	155.321.487
Chi phí bằng tiền khác	1.304.912.649	1.199.555.258
<b>Cộng</b>	<b>5.046.515.964</b>	<b>3.896.528.237</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	725.711.075	-
Tiền cho thuê, quản lý tài sản	690.267.171	862.304.091
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	137.154.200	-
Các khoản thu nhập khác	34.468.803	362.506.123
<b>Cộng</b>	<b>1.587.601.249</b>	<b>1.224.810.214</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.076.314.578	961.989.964
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	101.536.195	188.456.376
Các khoản chi không được trừ	101.536.195	188.456.376
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.177.850.773</b>	<b>1.150.446.340</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN</b>	<b>235.570.155</b>	<b>230.089.268</b>
Thuế TNDN được giảm theo nghị định 116/2020	-	69.026.780
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>235.570.155</b>	<b>161.062.488</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy,  
tỉnh Quảng BìnhMẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu :**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	840.744.423	800.927.476
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(461.873.961)	(440.000.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>378.870.462</b>	<b>360.927.476</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.230.067	8.230.067
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>46</b>	<b>44</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(\*) Căn cứ Biên bản họp ngày 02 tháng 06 năm 2021 số 421/2021/BB-DHDCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	800.927.476	-	800.927.476
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(440.000.000)	(440.000.000)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>800.927.476</b>	<b>(440.000.000)</b>	<b>360.927.476</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	8.230.067	-	8.230.067
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>97</b>		<b>44</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.664.449.651	56.810.690.489
Chi phí nhân công	20.735.758.654	17.342.556.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.009.579.949	4.708.356.851
Chi phí dự phòng	908.190.792	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.027.420.147	-
Chi phí khác bằng tiền	3.496.360.334	7.430.105.198
<b>Cộng</b>	<b>118.841.759.527</b>	<b>86.291.709.377</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 42.978.832.500 đồng.

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 36.890.054.129 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH**

Tổ dân phố Liên Cơ, thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Ông Nguyễn Mậu Hào

Ông Lê Thanh Hùng

Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc và ban kiểm soát

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giám đốc

**Giao dịch với bên liên quan**

Không có giao dịch với bên liên quan phát sinh trong năm.

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:**

	Năm nay VND
Ông Nguyễn Mậu Hào	322.688.800
Ông Lê Thanh Hùng	249.084.000
Ông Trần Công Văn	238.293.600
Ông Lê Hồng Sơn	169.496.000
Bà Hoàng Thị Phương	211.993.000
Ông Phạm Ngọc Thành	102.969.100
<b>Tổng</b>	<b>1.381.903.900</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC).

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Bảng Cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

Phân loại lại:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.989.607.041	12.998.269.300	28.987.876.341
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	115.399.326.300	(12.998.269.300)	102.401.057.000

Nguyễn Thị Liên  
Người lập

Quảng Bình, ngày 23 tháng 03 năm 2022

Lê Doãn Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Mậu Hào  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị